

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ K  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HS-ST  
Ngày: 09 - 9 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Ngọc AH.

*Thẩm phán:* Bà Phí Thị Phương Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Công Đợi;
- Ông Lê Thanh Hảo;
- Bà Huỳnh Hoa Hường;

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Trí, ông Tạ Văn D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Thanh Liêm, ông Lý Chí M - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Trần Thị G** (Út G), sinh năm 1978; nơi sinh: huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 05, khóm H, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Mua bán; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); chồng Hoàng Văn M; con có 02 người, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2013; anh chị em ruột có 09 người, bị cáo là người thứ chín.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23/11/2021 cho đến nay, tại Trại tạm giam - Công an tỉnh An Giang, có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị G:* Luật sư Lê Hùng Tuấn - Văn phòng Luật sư Vinh Phú thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

**2. Trần Thị D**, sinh năm 1970; nơi sinh: huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 05, khóm H, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn:

03/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết). Anh chị em ruột có 09 người, bị cáo là người thứ tám.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 04/10/2021 cho đến nay, tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố K, có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị D:* Luật sư Nguyễn Quốc Khả - Công ty Luật TNHH MTV Lâm Thanh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, có mặt.

**3. Lê Văn L (LM)**, sinh năm 1990; nơi sinh: huyện P, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 12, ấp V, xã D, huyện P, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn NH, sinh năm 1955 (còn sống) và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ năm.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 04/10/2021 cho đến nay, tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố K, có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Hoàng Trần Ngọc Ai, sinh năm 2002; nơi cư trú: 276x, khóm H, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Bùi Thị HG, sinh năm 1976; nơi cư trú: số 68x, khóm Vĩnh Tân, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Đoàn Thị Thu AH, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 15, khóm Châu Thới 1, phường Châu Phú B, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

4. Lê Văn NH, sinh năm 1955; nơi cư trú: tổ 12, ấp V, xã D, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt.

5. Lê Văn ID, sinh năm 1970; nơi cư trú: tổ 13, ấp V, xã Vĩnh Hội Đông, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

6. Dương Thị NL, sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ 13, ấp V, xã V, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

*Người làm chứng:*

- Huỳnh Hoàng Nu, sinh năm 1997; Nguyễn Tấn Ph, sinh năm 1995; Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986; Nguyễn Nhật Ih, sinh năm 1997; Nguyễn Thanh No, sinh năm 1992; Lê Hoàng Ưu, sinh năm 1997; Đào Văn Tha, sinh năm 2000; Trần Văn Vq, sinh năm 1994; Trương Văn U', sinh năm 1998; Lê Minh Op, sinh năm 1996; Đoàn Thị Thu Hằng, sinh năm 1983; Huỳnh Thị Tuyên, sinh năm 1989; Võ Thị Kim Ng, sinh năm 1989; Trương Thanh YU, sinh năm 1976; Trương Đình Phúc Uh, sinh năm 1983; Hoàng Văn Ym, sinh năm 1967;

Đào Văn G, sinh năm 1952; Trần Sung S, sinh năm 1958; Tô Thị Dn, sinh năm 1978; Lê Văn Qa, sinh năm 1963; Dương Hoàng Hận, sinh năm 1987; Trần Thị Bạch Tuyết, sinh năm 1978; Nguyễn Ngọc Tiền Giang, sinh năm 1986; Lâm Thị NH, sinh năm 1970; Nguyễn Cao Thanh, sinh năm 1974; Thái Ai Trân, sinh năm 1973, tất cả vắng mặt.

- Trần Thị Kim Bón, sinh năm 1958; Lê Thị Mz, sinh năm 1986; Hoàng Văn M, sinh năm 1971; Nguyễn Văn M, sinh năm 1962, cùng có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 27/02/2021, lực lượng phối hợp liên ngành chống buôn lậu tỉnh An Giang và Công an phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc, tiến hành kiểm tra hành chính 03 căn nhà số 193; số 276 đường Tuy Biên, khóm H, phường Vĩnh Nguơn và số 142 đường Phan Xích Long, khóm Vĩnh Tân, thuộc phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc, qua đó phát hiện cả 03 căn nhà trên chứa hàng hóa nhập lậu không rõ nguồn gốc xuất xứ là các mặt hàng điện tử, điện lạnh, đồ dùng gia dụng, đồ sành sứ đã qua sử dụng. Lực lượng chức năng tiến hành lập biên bản tạm giữ, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố K xác minh, xử lý theo luật định. Qua xác minh, xác định những người liên quan gồm: Trần Thị G, Trần Thị D (chị ruột G) và Lê Văn L; mời làm việc, cả ba thừa nhận 02 căn nhà số 276 đường Tuy Biên và số 142 đường Phan Xích Long là của Trần Thị G; nhà số 193 đường Tuy Biên là của Nguyễn Thị Tiếng (mẹ ruột G), D đang sống tại đây. Số hàng hóa nhập lậu không rõ nguồn gốc xuất xứ mà Công an thu giữ tại 03 căn nhà là của G mang từ gò Tà Mâu (ấp Tà Mâu, xã Pung Xăng, huyện BrâyChusa, tỉnh Tà Keo, vương quốc Campuchia) về phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, bán kiếm lời; L và D được G thuê, giúp G trông coi, dọn rửa và sửa chữa những hàng hóa này.

#### ***Vật chứng thu giữ:***

(1) Hàng hóa nhập lậu không rõ nguồn gốc xuất xứ là các mặt hàng điện tử, điện lạnh, đồ dùng gia dụng, đồ sành sứ đã qua sử dụng (theo Phụ lục I, II, III Bảng kê tang vật theo Biên bản vi phạm hành chính số 0155943/BB-VPHC; số 0155944/BB-VPHC; số 0155945/BB-VPHC do Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh An Giang lập ngày 27/02/2021 tại 03 căn nhà số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm H và số 142 đường Phan Xích Long, khóm Vĩnh Tân, thuộc phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc);

(2) 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Super Cub, màu xanh đen, biển số 59X3 - 247.82;

(3) 14 loa nghe nhạc; 01 máy casset; 02 âm ly và 02 mixer;

(4) 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen (của Lê Văn L);

(5) 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo 2015, màu xanh đen (của Đoàn Thị Thu AH);

(6) Tiền Việt Nam 5.000.000 đồng (của ông Lê Văn NH, cha ruột Lê Văn L thay L nộp lại một phần tiền L đã hưởng lợi);

(7) 01 USB nhãn hiệu Kingmax loại 64GB lưu trữ 14 file video ghi hình việc phát hiện, tạm giữ hàng hóa tại 03 căn nhà số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm H và số 142 đường Phan Xích Long, khóm Vĩnh Tân, thuộc phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc, vào ngày 27/02/2021.

(8) 01 USB nhãn hiệu Kingmax loại 64GB lưu trữ 25 đoạn video livestream bán hàng của tài khoản Facebook “Đồ Gia Dụng Nhật” và “Trùm Sĩ Ôm Lô” của Đoàn Thị Thu AH trong thời gian từ ngày 25/5/2020 đến ngày 10/01/2021 (trong đó, có 13 đoạn video livestream tại nhà số 142 Phan Xích Long, 09 đoạn video livestream tại nhà số 276 Tuy Biên) và 02 đoạn video livestream bán hàng của tài khoản Facebook “Đoàn Hằng” của Đoàn Thị Thu Hằng tại nhà số 142 Phan Xích Long vào các ngày 13/9/2020 và 05/11/2020, được trích xuất giọng nói dịch thành văn bản 05 file video, có tiếng nói của Trần Thị G (ký hiệu số 1).

(9) 01 USB nhãn hiệu Kingmax, loại 04GB, lưu trữ 01 file âm thanh tên “FILE\_20211201\_170133\_Ghi tiêu chuẩn 1.mp3” do Huỳnh Thị Tuyên giao nộp, ghi âm cuộc nói chuyện giữa Trần Thị G với Huỳnh Thị Tuyên, nội dung G hướng dẫn Tuyên khai báo với Cơ quan điều tra nhằm che giấu hành vi phạm tội, được trích xuất giọng nói dịch thành văn bản 01 file âm thanh, có tiếng nói của Trần Thị G (ký hiệu số 2).

(10) 01 USB nhãn hiệu Toshiba, loại 16GB, lưu trữ ghi âm giọng nói của Trần Thị G (ký hiệu số 3). Tất cả 04 USB lưu kèm hồ sơ vụ án.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 05.8.07/KL-HĐĐG.TTHS ngày 06/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh An Giang, ghi nhận: Tài sản là hàng hóa thu giữ, có giá trị 315.740.000 đồng (Trong đó, nhà số 193: 116.830.000 đồng; nhà số 276: 116.060.000 đồng; nhà số 142: 82.850.000 đồng). Tại Cáo trạng số 23/CT-VKSCĐ-HS ngày 29/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Trần Thị G theo khoản 2 Điều 188 BLHS; bị cáo Trần Thị D, Lê Văn L theo khoản 1 Điều 188 BLHS.

Ngày 26/4/2022, Tòa án nhân dân thành phố K tiến hành mở phiên tòa hình sự sơ thẩm, đến ngày 28/4/2022 Hội đồng xét xử quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, làm rõ thu thập thêm về chứng cứ, định giá tài sản lại theo luật định.

Sau khi thu thập chứng cứ, điều tra bổ sung, cơ quan Cảnh sát điều tra ra Kết luận điều tra bổ sung. Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 08.22.15/KLHĐĐG.TTHS ngày 11/7/2022 của Hội đồng Định giá theo vụ việc cấp tỉnh, ghi nhận: Tài sản là hàng hóa thu giữ, có giá trị 293.348.300 đồng

(Trong đó, nhà số 193 hàng hóa thu giữ, có giá trị 109.410.390 đồng; nhà số 276 hàng hóa thu giữ, có giá trị 103.122.680 đồng; nhà số 142 hàng hóa thu giữ, có giá trị 80.815.230 đồng). Cáo trạng số: 54/CT-VKSCĐ-HS ngày 11/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Trần Thị G, Trần Thị D, Lê Văn L về tội “Buôn lậu” theo khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự 2015).

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị G, Trần Thị D, Lê Văn L thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Lời nhận tội của bị cáo G, D, L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được kiểm chứng tại phiên tòa nên có cơ sở xác định hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Buôn lậu*” theo quy định khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng số 54/CT-VKSCĐ-HS ngày 11/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Trần Thị G, Trần Thị D và Lê Văn L, về tội “*Buôn lậu*” theo khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố.

Xét về tính chất vụ án, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn; các bị cáo có mối quan hệ quen biết, thân thích trong gia đình và đều là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo G là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo và giữ vai trò chính trong việc thực hiện tội phạm; thuê bị cáo L tiếp bị cáo dọn, rửa, sửa chữa, kiểm tra và đóng hàng từ kho của bị cáo ở Gò Tà Mâu, Campuchia để chuyển về Việt Nam bán lại kiếm lời. Bị cáo L giúp sức tích cực cho bị cáo G, cùng bị cáo G trực tiếp sang Campuchia kiểm tra hàng, đóng kiện ở thành phố Phnôm Pênh, Campuchia hoặc kho hàng của bà Bốn Tranh, kho hàng của bị cáo G ở Gò Tà Mâu, Campuchia để vận chuyển về Việt Nam; trực tiếp nhận hàng khi được chuyển về căn nhà số 142 Phan Xích Long; sửa chữa hàng điện tử và thay bị cáo G báo gia bán khi bị cáo G đi vắng; giúp sức tích cực cho bị cáo G trong việc buôn bán hàng hóa qua biên giới trái pháp luật đối với số hàng hóa tạm giữ tại nhà số 142 Phan Xích Long và nhà số 276 Tuy Biên có giá trị là 183.937.910 đồng. Bị cáo D đồng ý giúp sức cho Trần Thị G dọn, rửa, sửa chữa đối với hàng hóa là nồi, chảo inox, nồi cơm điện, bình nấu nước từ cũ thành hàng như mới để G bán lại cho khách đối với số hàng hóa tạm giữ tại nhà số 193 và 276 Tuy Biên có giá trị là 212.532.970 đồng. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đã thực hiện; trong đó, có xem xét toàn diện tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo để đưa ra mức hình phạt tương xứng cho mỗi bị cáo.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ. Đối với bị cáo Trần Thị G, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thuộc thành phần

lao động, học lực thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, có cha Trần Văn Côn là người có công cách mạng, có nhiều đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đối với bị cáo D và L không tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thuộc thành phần lao động, học lực thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tích cực hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, khai ra vai trò của Trần Thị G; ngoài ra, bị cáo L tự nguyện giao nộp một phần tiền thu lợi bất chính; bị cáo D, L có cha là người có công cách mạng, có nhiều đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đồng thời bị cáo D mắc bệnh hiểm nghèo, đã phẫu thuật cắt ngực bên phải, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án”* quy định tại điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

*Về trách nhiệm hình sự*, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 188; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị G từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, về tội *“Buôn lậu”*. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (23/11/2021).

Áp dụng khoản 1 Điều 188; các điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, về tội *“Buôn lậu”*. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (04/10/2021);

Áp dụng khoản 1 Điều 188; các điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị D bằng thời hạn tạm giam 11 tháng 05 ngày (bị cáo bị bắt tạm giam từ 04/10/2021 đến ngày xét xử là 11 tháng 05 ngày), về tội *“Buôn lậu”*. Nếu HĐXX chấp nhận thì căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo D tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

*Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo Trần Thị D và Lê Văn L vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với D và L. Riêng áp dụng khoản 5 Điều 188 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị G bằng hình thức phạt tiền từ 30 đến 50 triệu đồng.

*Về các biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu, sung quỹ: Hàng hóa nhập lậu không rõ nguồn gốc xuất xứ là các mặt hàng điện tử, điện lạnh, đồ dùng gia dụng, đồ sành sứ đã qua sử dụng

(theo Biên bản vi phạm hành chính và bảng thống kê tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh An Giang lập ngày 27/02/2021 tại 03 căn nhà số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm H và số 142 đường Phan Xích Long, khóm Vĩnh Tân, thuộc phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc); 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Super Cub, màu xanh đen, biển số 59X3 - 247.82; 14 loa nghe nhạc; 01 máy cassette; 02 âm ly và 02 mixer do là hàng hóa nhập khẩu trái phép, không rõ nguồn gốc xuất xứ, còn giá trị sử dụng; tiền Việt Nam 5.000.000 đồng.

- Trao trả 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen cho bị cáo Lê Văn L; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo 2015, màu xanh đen cho Đoàn Thị Thu AH.

- Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án 01 USB nhãn hiệu Toshiba, 03 USB nhãn hiệu Kingmax.

*Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo L giao nộp số tiền thu lợi bất chính 60.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước nhưng khấu trừ 5.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã giao nộp trước đó.

Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm; quy định nghĩa vụ, trách nhiệm thi hành án; quy định quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định tại Điều 135, 136, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Luật sư Lê Hùng Tuấn trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Trần Thị G: Thống nhất với Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K về định tội danh tội “Buôn lậu” đối với bị cáo Trần Thị G. Việc Hội đồng định giá trong tố tụng Hình sự tỉnh An Giang định giá lại hàng hóa bị tạm giữ tại 03 căn nhà số 193, 142, 276 giá trị 293.348.300 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo G không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về nhân thân bị cáo G sức khỏe yếu, bản thân có cha là người có công với cách mạng, có chồng có nhiều cống hiến trong lực lượng vũ trang, thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xuất thân người dân lao động, học vấn thấp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo G hưởng các tình tiết giảm nhẹ như vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến cũng đã đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Đối với hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ đến hoàn cảnh gia đình bị cáo, bị cáo đang bị tạm giam, không lao động được, hiện có hai con đang đi học.

Luật sư Nguyễn Quốc Khả trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Trần Thị D: Thống nhất với quan điểm luận tội về tội danh, điều khoản áp dụng đối với bị cáo Trần Thị D. Nhận thấy, bị cáo D tham gia cùng bị cáo G với vai trò thứ yếu, chỉ giúp sức, không hưởng lợi. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng; có cha là người có công với cách mạng, xuất thân người dân lao

động, học vấn thấp. Hiện nay, bị cáo sức khỏe yếu, đang mắc bệnh hiểm nghèo, cần có thời gian điều trị. Do đó, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đề nghị xử phạt bị cáo D bằng thời hạn tạm giam, cho thấy đã có cân nhắc, xem xét thấu tình đạt lý trường hợp của bị cáo D, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo G, D, L không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo G, D, L và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về xác định tư cách của người tham gia tố tụng, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có tạm giữ các tài liệu, vật chứng liên quan đến vụ án, cho nên xác định ông Lê Văn ID, bà Dương Thị NL, bà Đoàn Thị Thu AH, ông Lê Văn NH, bà Hoàng Trần Ngọc Ai, Trần Thị HG là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Văn ID, Dương Thị NL, Đoàn Thị Thu AH, Bùi Thị HG, Hoàng Trần Ngọc Ai và những người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra, những người vắng mặt đã có lời khai rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Về hành vi phạm tội của các bị cáo

[4.1] Tại Công văn số 1748/BCH-MT ngày 26/8/2021 của Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh An Giang về tọa độ và khu vực biên giới, xác định: Vị trí 03 căn nhà (số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm H và số 142 đường Phan Xích Long, khóm Vĩnh Tân, phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc) nằm trong khu vực biên giới giữa Việt M - Campuchia

[4.2] Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 08.22.15/KL-HĐĐG.TTHS ngày 11/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh An Giang, xác định: Tài sản là hàng hóa thu giữ, có giá trị 293.348.300 đồng (Trong đó,



nhà số 193: 109.410.390 đồng; nhà số 276: 103.122.680 đồng; nhà số 142: 80.815.230 đồng).

Theo Kết luận giám định số 544/KL-C09B ngày 18/02/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh: Tiếng nói của người nữ (ký hiệu 1, 2, 3) và tiếng nói của bị can Trần Thị G trong mẫu so sánh là cùng một người nói ra.

[4.3] Qua sao kê tài khoản số 0471000337040 của Đoàn Thị Thu AH mở tại ngân hàng Vietcombank K, từ ngày 28/08/2020 đến ngày 08/07/2021, tổng số tiền AH chuyển đến tài khoản số 0471000316038 của Trần Thị G là 1.163.000.000 đồng; sao kê tài khoản số 070070698054 của Huỳnh Thị Tuyên mở tại ngân hàng Sacombank, từ ngày 23/08/2020 đến ngày 09/05/2021, tổng số tiền Tuyên chuyển đến tài khoản số 0471000316038 của Trần Thị G là 303.580.000 đồng.

[4.4] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị G thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội, khai hàng hóa bị tạm giữ tại 03 căn nhà số 193, số 276 đường Tuy Biên, khóm H và số 142 đường Phan Xích Long, khóm Vĩnh Tân, thuộc phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc là của bị cáo G. Bị cáo Trần Thị G buôn bán hàng điện tử, điện lạnh, đồ dùng gia dụng, đồ sành sứ đã qua sử dụng, tại Gò Tà Mâu, Vương quốc Campuchia. AHng hóa G mua của Thái Thị Hoa Tranh (vợ của AL, chủ Casino); kho của Tranh đặt tại Gò Tà Mâu hoặc mua từ thành phố Phnôm Pênh, Campuchia, vận chuyển về kho của G ở Gò Tà Mâu. Từ tháng 3/2020, khi biên giới đóng cửa để phòng chống dịch Covid-19, khách không qua được Gò Tà Mâu, G thuê người vận chuyển hàng về 03 căn nhà số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm H và số 142 đường Phan Xích Long, khóm Vĩnh Tân, phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị cáo G thuê bị cáo Trần Thị D (chị ruột G) và Lê Văn L phụ giúp. L dọn, sửa hàng; đến kho ở Gò Tà Mâu, đóng gói hàng cho người đại chuyển về; nhận hàng tại nhà số 142 đường Phan Xích Long và chuyển một ít hàng từ nhà số 142 đường Phan Xích Long đến nhà số 276 đường Tuy Biên, phường Vĩnh Ngươn, thành phố K, tổng số hàng hóa L dọn, sửa chữa tại nhà số 142, 276 bị tạm giữ qua định giá là 183.937.910 đồng. Ngoài ra, L còn thay G báo giá bán cho khách khi G vắng mặt. L thừa nhận được G trả công trung bình 01 tháng 5.000.000 đồng, nhận tiền được 12 tháng tương đương 60.000.000 đồng;

Bị cáo D có nhiệm vụ dọn rửa hàng cũ thành hàng như mới tại nhà số 193 và số 276 đường Tuy Biên; D không nhận tiền công, chỉ được G trả chi phí sinh hoạt trong nhà, nuôi mẹ. Tổng số hàng hóa D dọn, sửa chữa tại nhà số 193, 276 bị tạm giữ qua định giá là 212.532.970 đồng.

AHng hóa chuyển về 03 căn nhà, G bán lại cho nhiều người đến mua hoặc cho người đến nhà phát trực tiếp livestream bán hàng qua mạng xã hội. Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Super Cub, màu xanh đen, biển số 59X3 - 247.82, 14 loa nghe nhạc, 01 máy casset, 02 âm ly và 02 mixer, Cơ quan điều tra

thu giữ là của Trần Thị G thuê người chuyển từ Gò Tà Mâu về, nhờ L đem gửi Lê Văn ID, Dương Thị NL, không để mua bán.

Như vậy, qua lời khai nhận của bị cáo G, L, D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, phù hợp với biên bản vi phạm hành chính số 0155943/BB-VPHC; số 0155944/BB-VPHC; số 0155945/BB-VPHC và Phụ lục I, II, III theo bảng thống kê tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh An Giang lập ngày 27/02/2021; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng sơ đồ hiện trường ngày 24/12/2021 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K lập tại 03 căn nhà số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm H và số 142 đường Phan Xích Long, khóm Vĩnh Tân, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang.

Luật sư bào chữa cho bị cáo G, bị cáo D đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, đồng ý với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh An Giang đã xác định đúng giá trị sử dụng thực của các hàng hóa bị tạm giữ.

Từ những căn cứ trên có thể xác định rằng, bị cáo G đã có hành vi buôn bán hàng hóa qua biên giới trái pháp luật, tổng trị giá hàng hóa thu giữ qua định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh An Giang tại 03 căn nhà số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm H và số 142 đường Phan Xích Long, khóm Vĩnh Tân, phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc là 293.348.300 đồng. Trong đó, D phạm tội giúp sức cho G đối với số hàng hóa tạm giữ tại nhà số 193 và số 276 đường Tuy Biên, tổng trị giá 212.532.970 đồng; L giúp sức cho G đối với số hàng hóa tạm giữ tại nhà số 142 đường Phan Xích Long và số 276 đường Tuy Biên, tổng trị giá 183.937.910 đồng.

#### [5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội

Các bị cáo G, D, L là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được hành vi buôn bán hàng hóa qua biên giới trái pháp luật là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi, các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại; xâm phạm đến an ninh đối nội, đối ngoại; những quy định về xuất, nhập khẩu dẫn đến hậu quả Nhà nước không kiểm soát được hàng hóa nhập khẩu, gây thất thoát thuế xuất nhập khẩu của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Tổng trị giá hàng hóa thu giữ tại 03 căn nhà số 193, 276, 142 là 293.348.300 đồng, vì vậy, hành vi của bị cáo G, D, L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Buôn lậu*” theo quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự 2015. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### [6] Vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm do nhiều người cùng thực hiện tội phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn, các bị cáo Trần Thị G, Trần Thị D có mối quan hệ huyết thống trong gia đình, tuy nhiên cũng cần phân hóa vai trò, trách nhiệm, để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo:

[6.1] Đối với bị cáo Trần Thị G, là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo và giữ vai trò chính trong việc thực hiện tội phạm; thuê bị cáo L trực tiếp dọn, rửa, sửa chữa, kiểm tra và đóng hàng từ kho của bà Bốn Tranh và kho của bị cáo ở Gò Tà Mâu, Campuchia, thuê xe honda vận chuyển hàng về 03 căn nhà của bị cáo ở số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm H và số 142 đường Phan Xích Long, khóm Vĩnh Tân, phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc để cất giữ, dọn, rửa, sửa chữa bán lại cho khách để kiếm lời. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm trật tự trong việc xuất, nhập khẩu hàng hóa qua biên giới, gây thất thoát về công tác quản lý thuế của Nhà nước.

[6.2] Đối với bị cáo Lê Văn L, là đồng phạm trong vụ án với vai trò thực hành, tích cực hơn bị cáo D, bị cáo L trực tiếp dọn, sửa hàng hóa; đến kho ở Gò Tà Mâu, đóng gói hàng cho người đại chuyển về; nhận hàng hóa tại các căn nhà số 142 đường Phan Xích Long và chuyển một ít hàng từ nhà số 142 đường Phan Xích Long đến nhà số 276 đường Tuy Biên, phường Vĩnh Nguơn, thành phố K. Ngoài ra, L còn thay G báo giá bán cho khách khi G vắng mặt nên tính chất nghiêm trọng cao hơn bị cáo D.

[6.3] Đối với bị cáo Trần Thị D: Bị cáo D là chị của bị cáo G, bị cáo thực hiện phạm tội do bị cáo G xúi giục, lôi kéo, rủ rê thực hiện, làm theo sự phân công của bị cáo G như phụ rửa, sửa nồi, chảo inox, nồi cơm điện, bình nấu nước từ cũ thành hàng như mới tại căn nhà số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm H để G bán lại cho khách. Mặc dù D không nhận tiền công, nhưng được G trả chi phí sinh hoạt trong nhà, do đó, bị cáo D cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7.1] Các bị cáo Trần Thị G, Trần Thị D, Lê Văn L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7.2] Về các tình tiết giảm nhẹ

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, lẽ ra, cần có một mức án nghiêm, tương xứng mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, xét từng bị cáo thì thấy, bị cáo G học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo không tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có cha có nhiều thành tích đóng góp trong kháng chiến chống Mỹ, có người thân trong gia đình phục vụ trong lực lượng vũ trang, quá trình công tác có nhiều cống hiến, đóng góp bảo vệ biên giới lãnh thổ, vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự để xem xét cho bị cáo, nhằm thể hiện tính nhân văn, chính sách nhân đạo của Nhà nước trong việc xử lý hình sự đối với người phạm tội.

Bản thân bị cáo D, bị cáo L chưa tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, đã tích cực hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, khai ra vai trò của Trần Thị G; có người thân trong gia đình là người có công với cách mạng; bị cáo L tự nguyện giao nộp một phần tiền thu lợi bất chính nên bị cáo D và L được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo D đang mắc bệnh hiểm nghèo, đã phẫu thuật cắt ngực bên phải, bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2021 đến nay, bị cáo đã tỏ rõ ăn năn hối cải, quá trình tạm giam không vi phạm nội quy, quy chế, quy định nơi giam giữ; tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, xin giảm nhẹ hình phạt. Nhận thấy, thời gian tạm giam đã đủ để răn đe, giáo dục bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt tù tiếp mà cần tạo điều kiện cho bị cáo trở về tái hòa nhập cộng đồng, có điều kiện điều trị bệnh, lao động chân chính, trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung:

[8.1] Đối với bị cáo Trần Thị G là người chủ mưu cầm đầu, trực tiếp điều hành và tổ chức việc buôn lậu hàng hóa qua biên giới nên ngoài hình phạt chính, cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền 40.000.000 đồng.

[8.2] Đối với bị cáo Trần Thị D, Lê Văn L, ngoài hình phạt chính, lẽ ra còn phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo D, L có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Quan điểm bào chữa của người bào chữa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát về tội danh, việc vận dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với hàng hóa nhập lậu không rõ nguồn gốc xuất xứ là các mặt hàng điện tử, điện lạnh, đồ dùng gia dụng, đồ sành sứ đã qua sử dụng bị tạm giữ tại 03 căn nhà số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm H và số 142 đường Phan Xích Long, khóm Vĩnh Tân được thống kê trong phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III là những hàng hóa nhập khẩu trái phép, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào Ng sách nhà nước (theo biên bản vi phạm hành chính và bảng thống kê tang vật, phương tiện hành chính do Phòng Cảnh sát Kinh tế - Công an tỉnh An Giang lập ngày 27/02/2021) theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 59X3-247.82; 14 loa nghe nhạc; 01 máy cassette; 02 âm ly và 02 mixer đã qua sử dụng do Lê Văn ID, Dương Thị NL giao nộp là hàng hóa nhập khẩu trái phép không rõ nguồn gốc xuất xứ còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào Ng sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen của Lê Văn L được bị cáo sử dụng liên lạc cá nhân, không dùng vào việc phạm tội nên giao trả lại cho bị cáo L theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo 2015, màu xanh đen của Đoàn Thị Thu AH giao trả lại cho Đoàn Thị Thu AH.

Bị cáo L khai nhận, quá trình làm thuê cho bị cáo G từ tháng 3/2020 đến ngày bị phát hiện tạm giữ hàng hóa 27/02/2021, bị cáo được bị cáo G trả tiền thuê dọn, sửa hàng điện gia dụng 60.000.000 đồng nên xác định đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; xét, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Ông Lê Văn NH (cha ruột Lê Văn L) đã nộp thay bị cáo số tiền 5.000.000 đồng nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Bị cáo L còn phải nộp thêm 55.000.000 đồng.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 04 USB có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội.

#### [11] Các vấn đề khác

Trường hợp các bị cáo Trần Thị D và Lê Văn L khai Tô Thị Dn và Lê Văn Qa có làm thuê và tiếp G trong việc buôn bán hàng hóa mang từ Gò Tà Mâu về, Dn và Qa không thừa nhận giúp G buôn bán hàng hóa, không chứng cứ chứng minh nên không đủ căn cứ xử lý đối với Dn và Qa là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp Đoàn Thị Thu AH, Đoàn Thị Thu Hằng, Huỳnh Thị Tuyên, Võ Thị Kim Ng, Trương Thanh YU, Trương Đình Phúc Uh và Hoàng Văn Ym đã mua hàng hóa do Trần Thị G mang từ Gò Tà Mâu về bán; tuy không xử lý nhưng công khai giáo dục tại phiên tòa.

Đối với Huỳnh Hoàng Nu (Tuấn Già), Nguyễn Tấn Ph, Nguyễn Văn Quốc, Nguyễn Nhật Ih và Nguyễn Thanh No, Lê Hoàng Ưu, Đào Văn Tha, Trần Văn Vq, Trương Văn U' và Lê Minh Op có hành vi vận chuyển hàng hóa qua biên giới trái pháp luật nhưng không xác định được số lượng, trị giá hàng hóa nên chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, chuyển xử lý hành chính và công khai giáo dục tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với số hàng hóa của Trần Thị G chuyển từ Gò Tà Mâu về, nhờ L đem gửi Lê Văn ID, Dương Thị NL không để mua bán nên Cơ quan điều tra không quy kết trách nhiệm đối với G, L là phù hợp với quy định của pháp luật.

#### [12] Về án phí hình sự

Mỗi bị cáo Trần Thị G, Trần Thị D, Lê Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị G (Út G), Trần Thị D, Lê Văn L (LM) phạm tội “*Buôn lậu*”;

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

Xử phạt Trần Thị G 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giam, ngày 23/11/2021 (ngày hai mươi ba, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt).

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;*

Xử phạt Trần Thị D 11 (mười một) tháng 05 (năm) ngày tù bằng với thời gian bị cáo bị tạm giam.

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo D, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

Xử phạt Lê Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giam, ngày 04/10/2021 (ngày bốn, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt).

2. Về hình phạt bổ sung: *Căn cứ khoản 5 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

Buộc bị cáo Trần Thị G nộp phạt số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu) sung vào Ng sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: *Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

- Tịch thu sung vào Ng sách nhà nước:

(1) AHng hóa là tang vật của vụ án được thống kê trong phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III kèm theo (theo biên bản vi phạm hành chính và bảng thống kê tang vật, phương tiện hành chính do Phòng Cảnh sát Kinh tế - Công an tỉnh An Giang lập ngày 27/02/2021)

(2) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Super Cub, màu xanh đen, số máy AA01E-1177335, số khung: AA01-1348178, gắn biển kiểm soát 59X3-247.82, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong;

(3) 14 (mười bốn) loa nghe nhạc, 01 (một) máy cassette, 02 (hai) âm ly, 02 (hai) mixer, đều đã qua sử dụng;

(4) Tiền Việt Nam 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo giấy nộp tiền số: 0010.000.195 ngày 14/4/2022.

- Giao trả cho bị cáo Lê Văn L 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen, số imei 1: 353552686421713, số imei 2: 355147556421717, gắn 02 sim số: sim 1 số di động là 0856170558 và sim 2 số di động là 0368893774.

- Giao trả cho Đoàn Thị Thu AH 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Vivo 2015 màu xanh đen, số imei 1: 864739045925672, số imei 2: 864739045925664, đã qua sử dụng, gắn sim số 0981.803988.

*(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).*

- Tiếp tục lưu hồ sơ 04 USB có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội, cụ thể: 01 USB nhãn hiệu Kingmax loại 64GB lưu trữ 14 file video ghi hình việc phát hiện, tạm giữ hàng hóa tại 03 căn nhà số 193, 276 đường Tuy Biên, khóm H và số 142 đường Phan Xích Long, khóm Vĩnh Tân, thuộc phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc, vào ngày 27/02/2021; 01 USB nhãn hiệu Kingmax loại 64GB lưu trữ 25 đoạn video livestream bán hàng; 01 USB nhãn hiệu Kingmax loại 04GB lưu trữ 01 file âm thanh tên “FILE\_20211201\_170133\_Ghi tiêu chuẩn 1.mp3”; 01 USB nhãn hiệu Toshiba loại 16GB lưu trữ ghi âm giọng nói của Trần Thị G.

- Buộc bị cáo Lê Văn L giao nộp 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào Ng sách nhà nước.

4. Về án phí: *Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Các bị cáo Trần Thị G, Trần Thị D, Lê Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Trần Thị G, Trần Thị D, Lê Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Bồn pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TP. K (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trịnh Thị Ngọc AH**